**MS01**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam  **GIẤY ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG MỞ, SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG *–*** *Dành cho**Cá nhân* |  |

*Số hợp đồng ………………………………………….……… ngày* *…..….. tháng …...…. năm ………….…..*

**A - PHẦN ĐỀ NGHỊ**

***Đề nghị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Nghệ An***

mở tài khoản thanh toán (TKTT) cho tôi với thông tin sau :

*( Khách hàng vui lòng gạch chéo các phần để trống thông tin, không gạch đè lên thông tin in sẵn)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG - CHỦ TÀI KHOẢN** | | | | | | | | | | | | | |
| Họ tên 🗌 Nam 🗌 Nữ | | | | | | | | | | | | | |
| Mã số thuế[[1]](#footnote-1) | | | | | | | | | | | | | |
| Số TCC/CMND/HC Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn | | | | | | | | | | | | | |
| Ngày sinh Quốc tịch  Cư trú  🗌 Có  🗌 Không | | | | | | | | | | | | | |
| Thị thực nhập cảnh Ngày cấp Ngày hết hạn | | | | | | | | | | | | | |
| Điện thoại Email  *\* Lưu ý: Số điện thoại và email này được đăng ký để nhận sao kê TK , sử dụng các dịch vụ NHĐT và thanh toán trực tuyến.* | | | | | | | | | | | | | |
| Trình độ học vấn | 🗌 Sau đại học | | | | | 🗌 Đại học | | 🗌 Cao đẳng | | 🗌 Trung cấp | | | 🗌 Khác |
| Nghề nghiệp | 🗌 Tài chính ngân hàng | | | | | 🗌 Công nhân | | 🗌 Công an, bộ đội | | 🗌 Kinh doanh | | | 🗌 Nội trợ |
| 🗌 Nhân viên văn phòng | | | | | 🗌 Giáo viên | | 🗌 Học sinh/Sinh viên | | 🗌 Hưu trí | | | 🗌 Khác |
| Chức vụ | 🗌 Giám đốc/Phó GĐ | | | | | 🗌 Trưởng/Phó phòng | | | | 🗌 Nhân viên | | | 🗌 Khác |
| Tình trạng hôn nhân | 🗌 Độc thân | | | | | 🗌 Đã kết hôn | | | | 🗌 Khác | | | |
| Nơi công tác | | | | | | | | | | | | | |
| Địa chỉ cư trú hiện tại | | | | | | | | | | | | | |
| Địa chỉ thường trú | | | | | | | | | | | | | |
| Địa chỉ nước ngoài | | | | | | | | | | | | | |
| Khách hàng có phải là người nhận ủy thác của ủy thác nước ngoài không? | | | | | 🗌 Có  Vui lòng điền mẫu theo quy định hiện hành về nhận biết KH của VietinBank | | | | | | | 🗌 Không | |
| Tên tổ chức, cá nhân ủy thác: | | | | | | |
| Khách hàng có chủ sở hữu hưởng lợi khác không? | | | | | 🗌 Có  Vui lòng điền mẫu theo quy định hiện hành về nhận biết KH của VietinBank | | | | | | | 🗌 Không | |
| Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu hưởng lợi khác: | | | | | | |
| **THÔNG TIN FATCA** | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌Khách hàng là công dân Mỹ hoặc đối tượng cư trú Mỹ, hoặc có địa chỉ thường trú ở Mỹ hoặc có thẻ xanh hoặc là đối tượng nộp thuế thu nhập Mỹ *(Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-8BEN hoặc W-9 và cung cấp Mã số thuế Mỹ tương ứng)*  Mã số thuế Mỹ | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌Khách hàng không thuộc đối tượng nêu trên tại thời điểm hiện tại*.* | | | | | | | | | | | | | |
| **II. THÔNG TIN TÀI KHOẢN THANH TOÁN** | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **Thông tin tài khoản** | | | | | | | | | | | | | |
| Loại tài khoản | | | 🗌 TKTT | | | | | 🗌 TK vốn chuyên dùng | | 🗌 TKTT chuyên dùng khác | | | |
| Loại tiền | | | 🗌 VND | | | | | 🗌 USD | | 🗌 Khác | | | |
| Tên TKTT | | |  | | | | | | | | | | |
| Mục đích mở TKTT | | | 🗌Nhận lương | | | | | | | 🗌Du học | | | |
| 🗌Thanh toán hàng hóa, dịch vụ | | | | | | | 🗌 Lao động hợp tác | | | |
| 🗌Gửi tiết kiệm/ Gửi tiền gửi có kỳ hạn | | | | | | | 🗌Đầu tư | | | |
| 🗌Khác (ghi rõ) | | | | | | | | | | |
| Phương thức nhận sao kê tài khoản và các thông tin cần thiết khác. | | | 🗌 Tại VietinBank nơi quản lý tài khoản.  🗌 Email.  🗌 Địa chỉ cư trú của Khách hàng. | | | | | | | | | | |
| **2. Mẫu chữ ký giao dịch** | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. **Chủ tài khoản** | | | | | | | | | | | | | |
| **Chữ ký mẫu đăng ký dưới đây được sử dụng để thực hiện mọi giao dịch của cá nhân tôi với VietinBank** | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Tôi đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu và ghi rõ họ tên)*  🗌 Tôi sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch với VietinBank tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT ngày ……………………………………………………....…..… để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, ghi rõ họ tên)  **1** | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, ghi rõ họ tên)  **2** | | | |
| **2.2 Người được ủy quyền** | | | | | | | | | | | | | |
| Họ tên  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp  Ngày hết hạn Điện thoại  Giấy ủy quyền số  Ngày lập Ngày hết hạn (nếu có) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, ghi rõ họ tên) | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, ghi rõ họ tên) | | | |
| *Nếu không ủy quyền cho người khác sử dụng TKTT, KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”* | | | | | |
| **III. THÔNG TIN DỊCH VỤ NGÂN HÀNG \*\*** | | | | | | | | | | | | | |
| **1. TKTT theo yêu cầu**   * Số TK theo yêu cầu: * Phí mở tài khoản theo yêu cầu (gồm VAT): | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **Gói TKTT** | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 **Gói Smart (Năng động)** | | | | | | | 🗌 **Gói Basic (Cơ bản)** | | | | | | |
| ⌧ Vietinbank iPay | | ⌧ Số điện thoại dùng DV: Đăng ký tại Phần I – Thông tin KH | | | | | ⌧ SMS biến động thông tin tài khoản [[2]](#footnote-2) | | | | ⌧ Số điện thoại dùng DV: Đăng ký tại Phần I – Thông tin KH | | |
| ⌧ OTT biến động thông tin tài khoản (trên ipay Mobile) | | 🗌 Số điện thoại bổ sung *(nếu có):* ..................................... | | |
| 🗌 **Gói Plus (Đa năng)** | | | | | | | 🗌 **Gói Premium account (KH ưu tiên)** | | | | | | |
| ⌧ Vietinbank iPay | | ⌧ Số điện thoại dùng DV: Đăng ký tại Phần I – Thông tin KH | | | | | ⌧ Vietinbank iPay | | | | ⌧ Số điện thoại dùng DV: Đăng ký tại Phần I – Thông tin KH | | |
| ⌧ SMS biến động thông tin tài khoản [[3]](#footnote-3) | | ⌧ Số điện thoại dùng DV: Đăng ký tại Phần I – Thông tin KH | | | | | ⌧ SMS biến động thông tin tài khoản [[4]](#footnote-4) | | | | ⌧ Số điện thoại dùng DV: Đăng ký tại Phần I – Thông tin KH | | |
| 🗌 Số điện thoại bổ sung *(nếu có):* ................................... | | | | | 🗌 Số điện thoại bổ sung *(nếu có):* ..................................... | | |
| 1. **Dịch vụ Ngân hàng điện tử** | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 **Vietinbank** **iPay [[5]](#footnote-5)** | | | | Số điện thoại dùng dịch vụ: | | | | | ⌧ Số điện thoại đăng ký tại Phần I – Thông tin KH | | | | |
| Gói dịch vụ iPay: | | | | | 🗌 Chuẩn:  🗌 Khác: | | | | |
| Tài khoản thu phí: | | | | | 🗌 Số TK được mở theo Hợp đồng này.  🗌 Tài khoản khác. | | | | |
| 🗌 **SMS biến động thông tin tài khoản thanh toán [[6]](#footnote-6)** | | | | Số điện thoại dùng dịch vụ | | | | | 🗌 Số điện thoại đăng ký tại Phần I – Thông tin KH  🗌 Số điện thoại khác: | | | | |
| Hạn mức Biến động số dư | | | | | 🗌 Biến động số dư TK từ 1,000 VND  🗌 Biến động số dư TK từ 30,000 VND | | | | |
|  | | Số tài khoản đăng ký dùng dịch vụ | | | | | Số điện thoại đăng ký dùng dịch vụ | | | | Số tài khoản thu phí | | |
| **🗌 SMS biến động thông tin tài khoản tiền gửi tiết kiệm** | | ⌧ Đăng ký cho tất cả các tài khoản tiết kiệm [[7]](#footnote-7) | | | | | 🗌 SĐT đăng ký tại Phần I - Thông tin KH  🗌 SĐT khác: | | | | 🗌 Số TK được mở theo Hợp đồng này.  🗌 Tài khoản khác | | |
| **🗌 SMS biến động thông tin tài khoản tiền vay** | |  | | | | | 🗌 SĐT đăng ký tại Phần I - Thông tin KH  🗌 SĐT khác: | | | | 🗌 Số TK được mở theo Hợp đồng này.  🗌 Tài khoản khác | | |
| **🗌 Nhắc nợ vay qua SMS** | |  | | | | | 🗌 SĐT đăng ký tại Phần I - Thông tin KH  🗌 SĐT khác: | | | | 🗌 Số TK được mở theo Hợp đồng này.  🗌 Tài khoản khác | | |
| Yêu cầu khác[[8]](#footnote-8): …………………………………………………………………………………………………………………………….. | | | | | | | | | | | | | |
| **4. Dịch vụ Thẻ** | | | | | | | | | | | | | |
| *Tên in trên thẻ chữ in, không có dấu, tối đa 19 ký tự, gồm cả ký tự trống*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | | | | | | | | | |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thẻ ghi nợ nội địa** | 🗌 S – Card | | 🗌 C - Card | 🗌 Pink - Card | | 🗌 G – Card | 🗌 Thẻ BHXH | 🗌 Khác | | **Thẻ ghi nợ quốc tế** | ***\**** *Loại thẻ* | | 🗌 Visa Debit | | 🗌 Master Card Debit | | 🗌 Thẻ Liên kết | 🗌 Khác | | ***\**** *Hạng thẻ* | | 🗌 Bạch Kim | | 🗌 Vàng | | 🗌 Chuẩn | | | **Thẻ phụ** | 🗌 Có | | | | 🗌 Không | | | | | ***Thông tin thẻ phụ thứ nhất*** | | | | | ***Thông tin thẻ phụ thứ hai*** | | | | | Họ tên 🗌 Nam 🗌 Nữ | | | | | Họ tên 🗌 Nam 🗌 Nữ | | | | | Ngày sinh Điện thoại | | | | | Ngày sinh Điện thoại | | | | | Số CCCD/CMND/HC | | | | | Số CCCD/CMND/HC | | | | | Ngày cấp Nơi cấp | | | | | Ngày cấp Nơi cấp | | | | | Địa chỉ | | | | | Địa chỉ | | | | | **Dịch vụ bổ sung** | | 🗌 Sử dụng thẻ thanh toán qua Internet | | | 🗌 Dịch vụ khác | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *(Chỉ áp dụng cho trường hợp phát hành thẻ theo đơn vị tập thể)* Khách hàng đồng ý:  (i) Ủy quyền cho đơn vị....................... thực hiện các thủ tục theo quy định của ngân hàng để phát hành thẻ ghi nợ;  (ii) Ủy quyền cho đơn vị..........................nhận thẻ ghi nợ từ ngân hàng  (iii) Sử dụng số PIN ngân hàng cấp ngay khi nhận được thẻ. | | | | | | | | | | | | | |
| **5. Dịch vụ hóa đơn tổng** | | | **🗌 Có** | | | | | **🗌 Không** | | | | | |
| **6. Sản phẩm dịch vụ khác** | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | |

**B – PHẦN HỢP ĐỒNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THÔNG TIN CÁC BÊN** | | |
| **Bên cung cấp dịch vụ** | | **Bên sử dụng dịch vụ - Khách hàng** |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh …………………….……………………………………………….….………………………………………… | | Họ tên |
| Người đại diện | |
| Chức vụ | | Số TCC/CMND/HC |
| Theo giấy ủy quyền số ……………………… ngày ……….……..…… của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | | *(Các thông tin khác có liên quan của khách hàng (nếu có) được thể hiện cụ thể tại Phần A của văn bản này)* |
| **Khách hàng đề nghị mở TKTT và sử dụng dịch vụ ngân hàng với các thông tin cụ thể đã nêu tại Phần A - Phần đề nghị của văn bản này và Ngân hàng đồng ý cung ứng dịch vụ theo các thoả thuận cụ thể sau**: | | |
| **THỎA THUẬN CỤ THỂ** | | |
| **I.Thỏa thuận cụ thể về mở, sử dụng TKTT:**  1. Khi KH mở TKTT và sử dụng dịch vụ tại VietinBank, tuỳ theo dịch vụ đăng ký Quý KH phải tuân thủ các nội dung thoả thuận, quy định theo từng loại hình dịch vụ và chủ động kiểm soát, đối chiếu số dư TKTT của mình với VietinBank tối thiểu 01 lần/năm.  2. KH đồng ý cho VietinBank được tự động trích Nợ từ bất kỳ TKTT nào của KH mở tại VietinBank để thanh toán phí dịch vụ theo biểu phí của VietinBank quy định trong từng thời kỳ được công khai tại các Điểm giao dịch và (hoặc) trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) hoặc theo thoả thuận giữa KH và VietinBank. Trường hợp thay đổi mức phí, VietinBank sẽ thông báo công khai tại các Điểm giao dịch và (hoặc) trên website  www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn). Thời gian tối thiểu từ khi thông báo/cập nhật đến khi áp dụng các thay đổi về phí là 07 ngày.  3. KH đồng ý rằng bằng việc (i) truy cập vào các nền tảng công nghệ điện tử do VietinBank cung cấp bằng chính tên đăng nhập và mật khẩu của KH, (ii) nhập mã OTP (One Time Pasword) do VietinBank gửi đến số điện thoại của KH đã đăng ký với VietinBank khi mở TKTT và/hoặc sử dụng chữ ký điện tử và/hoặc xác thực theo các phương pháp khác do VietinBank thực hiện từng thời kỳ (nếu có) để đăng ký dịch vụ, giao kết các thỏa thuận/hợp đồng với VietinBank khi sử dụng các sản phẩm/dịch vụ trên các nền tảng công nghệ điện tử do VietinBank cung cấp; nội dung đăng ký, thỏa thuận/hợp đồng này thể hiện ý chí chấp thuận của KH về các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng, thỏa thuận dịch vụ đó khi thực hiện các giao dịch với VietinBank  4. Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng tài khoản, KH đồng ý thực hiện theo các khuyến cáo, hướng dẫn, quy định, điều kiện tại Điều kiện giao dịch chung của VietinBank và quy định của pháp luật  5. VietinBank cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho Khách hàng (KH) biết về số dư và các giao dịch phát sinh trên TKTT và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng TKTT theo phương thức cung cấp dịch vụ KH đã đăng ký tại phần A- Phần đề nghị của Giấy đề nghị mở, sử dụng TKTT và dịch vụ Ngân hàng (Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng) này hoặc khi có yêu cầu cung cấp thông tin của KH theo quy định của Vietinbank và pháp luật.  6. KH chấp thuận việc VietinBank sử dụng thông tin trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này để: (i) Cung cấp thông tin cho Cơ quan thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và (hoặc) Sở Thuế vụ Mỹ theo quy định tại Đạo Luật tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản nước ngoài của Mỹ (FATCA); (ii) Thực hiện khấu trừ thuế theo quy định của đạo luật FATCA (nếu có); (iii) Nhận các thông tin liên quan đến tài khoản và các thông tin giới thiệu, tư vấn dịch vụ sản phẩm của VietinBank; (iv) Cung cấp cho Công ty con, công ty liên kết của VietinBank nhằm mục đích tư vấn, giới thiệu, cung ứng sản phẩm dịch vụ.  7. KH cam kết sẽ cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của FATCA trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp KH là người nhận ủy thác của một ủy thác nước ngoài. Trường hợp có sự thay đổi về trạng thái FATCA, KH sẽ thông báo với VietinBank trong vòng 30 ngày kể từ khi có sự thay đổi*.*  8. Các trường hợp phong tỏa, chấm dứt phong tỏa, tạm khóa và chấm dứt tạm khóa, đóng tài khoản TKTT, xử lý số dư còn lại sau khi đóng TKTT, phạm vi sử dụng, hạn mức giao dịch,các trường hợp tạm dừng, từ chối lệnh thanh toán của KH, quy định về xử lý tra soát, khiếu nại và các nội dung khác: Các Bên đồng ý thực hiện theo quy định tại Bản điều khoản điều kiện về mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng tại VietinBank (Điều kiện giao dịch chung) và quy định của pháp luật. Trường hợp phong toả tài khoản, VietinBank có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản cho KH đến địa chỉ cư trú KH đã đăng ký thông tin với VietinBank.  9. VietinBank được quyền đóng TKTT của KH trong trường hợp TKTT của KH có số dư bằng 0 (không) và không có giao dịch liên tục trong thời gian 01 (một) năm và các trường hợp khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật và/hoặc thỏa thuận với KH.  **II**. **Thỏa thuận cụ thể về sử dụng dịch vụ Ngân hàng:**  1.***Thỏa thuận về TKTT theo yêu cầu:***  Khách hàng chịu mọi trách nhiệm về yêu cầu chọn số Tài khoản thanh toán theo yêu cầu; thanh toán các khoản phí mở và quản lý/duy trì tài khoản thanh toán này theo quy định/thỏa thuận với VietinBank.  ***2. Thỏa thuận về gói TKTT:***   1. Khách hàng đề nghị đăng ký Gói tài khoản thanh toán theo các thông tin đăng ký tại Phần đề nghị của Văn bản này và xác nhận đồng ý để Vietinbank tự động đăng ký các SPDV trong gói với các tính năng sản phẩm (loại DV, hạn mức....) mặc định theo quy định của các gói TKTT tại từng thời kỳ. 2. Trường hợp KH giao kết thỏa thuận sử dụng sản phẩm thấu chi qua kênh Ipay: Khách hàng đồng ý và chấp thuận rằng bằng việc thực hiện các giao dịch thanh toán chuyển khoản tại quầy hoặc qua các kênh/phương tiện thanh toán điện tử ATM, POS, IPAY … vượt quá số dư Có trên TKTT của KH thì các chứng từ giao dịch, thông báo biến động số dư và dữ liệu giao dịch chiết xuất từ hệ thống của VietinBank ghi nhận giao dịch ghi Nợ vượt quá số dư trên TKTT là bằng chứng khách hàng nhận nợ với VietinBank phần chênh lệch số dư Có trên TKTT đó.   ***3. Thỏa thuận về dịch vụ Ngân hàng điện tử:***  Trường hợp KH giao kết thỏa thuận sử dụng sản phẩm thấu chi qua kênh Ipay: Khách hàng đồng ý và chấp thuận rằng bằng việc thực hiện các giao dịch thanh toán chuyển khoản tại quầy hoặc qua các kênh/phương tiện thanh toán điện tử ATM, POS, IPAY … vượt quá số dư Có trên TKTT của KH thì các chứng từ giao dịch, thông báo biến động số dư và dữ liệu giao dịch chiết xuất từ hệ thống của VietinBank ghi nhận giao dịch ghi Nợ vượt quá số dư trên TKTT là bằng chứng khách hàng nhận nợ với VietinBank phần chênh lệch số dư Có trên TKTT đó.  ***4. Thỏa thuận về dịch vụ Thẻ:***   1. VietinBank cung cấp thông tin cho KH (bao gồm cả chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ) biết về số dư tài khoản, lịch sử giao dịch thẻ và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng thẻ khi có yêu cầu của KH theo quy định của Vietinbank được thông báo tại website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) và pháp luật. 2. Chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ được sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ. Thẻ phụ phát hành cho chủ thẻ phụ dưới 15 tuổi không được rút tiền mặt. 3. Hạn mức thanh toán, hạn mức chuyển khoản, hạn mức rút tiền mặt và các hạn mức khác trong việc sử dụng thẻ do VietinBank quy định theo từng thời kỳ và được thông báo trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn). 4. Thời hạn sử dụng thẻ được áp dụng với từng loại thẻ theo quy định của VietinBank trong từng thời kỳ và được thông báo tại website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn). Hết thời hạn này, chủ thẻ liên hệ với VietinBank để được tiếp tục gia hạn sử dụng thẻ. 5. Các trường hợp từ chối thanh toán thẻ, tạm khóa, thu giữ thẻ hoặc hủy hiệu lực của thẻ trong quá trình sử dụng: Các Bên đồng ý thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật. 6. Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng thẻ: KH đồng ý thực hiện theo các khuyến cáo, hướng dẫn, quy định, điều kiện của VietinBank tại website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) và quy định của pháp luật. 7. Chủ thẻ phải bảo quản thẻ, bảo mật PIN, các mã số xác nhận chủ thẻ khác, các thông tin thẻ, thông tin giao dịch, không để lộ thông tin tin thẻ; chịu trách nhiệm về các thiệt hại, tổn thất đối với các giao dịch thẻ trong trường hợp không bảo quản, bảo mật được thẻ và các thông tin trên. 8. Khi mất thẻ hoặc lộ thông tin thẻ, chủ thẻ phải thông báo bằng điện thoại ngay cho VietinBank theo số 1900558868 (có ghi âm) và phối hợp với VietinBank để xử lý. Sau đó, chủ thẻ phải đến một trong các điểm giao dịch của VietinBank trong thời gian 48 tiếng để làm thủ tục báo mất bằng văn bản. Chủ thẻ phải chịu toàn bộ rủi ro và thanh toán mọi phát sinh nếu thẻ bị lợi dụng trong thời gian từ khi phát hiện thẻ bị mất cắp/thất lạc/lộ số PIN, thông tin thẻ/bị lợi dụng đến thời điểm VietinBank khoá thẻ theo quy định tại Hợp đồng, trừ trường hợp xác định được là do lỗi của VietinBank. Trong trường hợp bất khả kháng, chủ thẻ có thể uỷ quyền bằng văn bản cho người khác đến thực hiện thủ tục báo mất; Không sử dụng lại thẻ đã thông báo mất, thất lạc và phải trả lại cho VietinBank thẻ bị mất, thất lạc khi tìm được. 9. VietinBank thực hiện khóa thẻ ngay tại thời điểm nhận đ­ược thông báo lần đầu tiên của chủ thẻ về việc thẻ bị mất cắp/thất lạc/lộ số PIN, thông tin thẻ hoặc nghi ngờ bị lợi dụng và phối hợp với các bên liên quan để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác để ngăn chặn các thiệt hại có thể xảy ra, đồng thời thông báo lại cho chủ thẻ. VietinBank thực hiện ngay các biện pháp để khóa thẻ khi chủ thẻ đề nghị do nghi ngờ có gian lận hoặc tổn thất và chịu trách nhiệm với toàn bộ tổn thất tài chính phát sinh đối với chủ thẻ do việc sử dụng thẻ sau thời điểm khóa.   **III. Thỏa thuận khác**  1. Các nội dung khác liên quan đến mở, sử dụng TKTT và dịch vụ Ngân hàng được quy định tại Bản điều khoản điều kiện về mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng tại VietinBank (Điều kiện giao dịch chung). Khách hàng xác nhận đã được VietinBank cung cấp đầy đủ thông tin về Điều kiện giao dịch chung; đã đọc, hiểu rõ, đồng ý với các quy định tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng và Điều kiện giao dịch chung trong quá trình mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng (bao gồm cả trường hợp đăng ký thay đổi/bổ sung các dịch vụ ngân hàng). Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này và bản Điều kiện giao dịch chung là một bộ Hợp đồng hoàn chỉnh về mở sử dụng TKTT và dịch vụ Ngân hàng.  2. Khi sửa đổi/bổ sung/thay thế Điều kiện giao dịch chung, VietinBank có trách nhiệm thông báo công khai trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) tối thiểu 07 ngày trước khi có hiệu lực. Nếu không đồng ý với các nội dung sửa đổi, Khách hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng tài khoản và (hoặc) các dịch vụ đã đăng ký; nếu tiếp tục sử dụng tài khoản và (hoặc) các dịch vụ được hiểu là Khách hàng chấp thuận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.  3. Các quyền, nghĩa vụ của các Bên và những nội dung khác không quy định tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này được thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa KH và VietinBank.  4. Khách hàng cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin trên Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này và tính hợp pháp của các giấy tờ kèm theo.  5. Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này gồm …. trang, được lập thành hai (02) bản, mỗi Bên giữ một (01) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau./*.* | | |
| **Đại diện Ngân hàng**  *Ký, họ tên, đóng dấu* | **Khách hàng**  *Ký, họ tên*  *3* | |
| **C- DÀNH CHO NGÂN HÀNG** | | |
| Số TK: | Số thẻ: | |
| Ngày bắt đầu hoạt động của TK: | Ngày phát hành thẻ: | |
| **Cán bộ nhận hồ sơ Giao dịch viên**  *Ký, họ tên Ký, họ tên* | **Kiểm soát viên**  *Ký, họ tên* | |

1. Nếu KH đã được cơ quan thuế cung cấp MST, KH bắt buộc kê khai đúng MST của KH theo quy định của Luật quản lý thuế. [↑](#footnote-ref-1)
2. Áp dụng theo điều kiện về giá trị giao dịch (hiện là các giao dịch từ 30,000đ trở lên) [↑](#footnote-ref-2)
3. Áp dụng theo điều kiện về giá trị giao dịch (hiện là các giao dịch từ 30,000đ trở lên) [↑](#footnote-ref-3)
4. Áp dụng theo điều kiện về giá trị giao dịch (hiện là các giao dịch từ 30,000đ trở lên) [↑](#footnote-ref-4)
5. Chỉ áp dụng trong các trường hợp quy định KHCN được phép đăng ký sử dụng SPDV NHĐT đơn lẻ (ngoài gói TKTT) [↑](#footnote-ref-5)
6. Chỉ áp dụng trong các trường hợp quy định KHCN được phép đăng ký sử dụng SPDV NHĐT đơn lẻ (ngoài gói TKTT) [↑](#footnote-ref-6)
7. Sau thời điểm đăng ký dịch vụ, các tài khoản mở mới được tự động bổ sung dịch vụ [↑](#footnote-ref-7)
8. Đảm bảo phù hợp quy định của VietinBank [↑](#footnote-ref-8)